

Bản án số: 134/2024/HS-PT
Ngày 29 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Chuyên và bà Hoàng Thị Hải Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 141/TLPT-HS ngày 27/5/2024 đối với bị cáo **Nguyễn Văn L** do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn L** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, tại Bắc Giang, sinh năm 1982; tên gọi khác: Không có, Nơi cư trú: **thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang**; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: **Nguyễn Văn L1** - sinh năm 1952 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị C** - sinh năm 1950; vợ: **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1983 (đã ly hôn tháng 5 năm 2024) và có 03 con, con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2023 đến ngày 29/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

*** Bị hại:**

1. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983, địa chỉ: **thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang**, (có mặt tại phiên tòa ngày 23, vắng mặt tại phiên tòa ngày 29).

2. Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1954, **thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang**, (có mặt có mặt tại phiên tòa ngày 23, vắng mặt tại phiên tòa ngày 29).

*** Người tham gia tố tụng khác:** những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Anh Nguyễn Văn S - sinh năm 1982 ở thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1983 ở cùng thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang bị Nguyễn Văn L - sinh năm 1982 (chồng chị N) biết chuyện dẫn đến xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và chị N phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Ngày 25/12/2023, chị N, anh S hẹn gặp L tại nhà để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn. Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 25/12/2023, chị N cùng bà T - sinh năm 1954 ở thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang là mẹ đẻ chị N đến nhà L. L bảo anh S và chị N xin lỗi thì phải quỳ xuống nên chị N và anh S quỳ xuống nền nhà xin lỗi L. Lúc này, L đi ra mép cửa lấy 01 chiếc dép tổ ong cầm vào chỗ chị N và cháu Nguyễn Thanh L2 cầm 01 ghế nhựa màu đỏ ném trúng vào vùng đầu anh Nguyễn Văn S làm anh S bị ngã rồi nhanh chóng bỏ chạy ra ngoài cổng nhà L. Bà T thấy vậy đã đến ôm chị N kêu khóc thì bị L dùng tay trái túm tóc chị N kéo ra ngoài sân và lấy 01 con dao làm bằng kim loại có tổng chiều dài 18,8cm, chuôi dao được cuộn tròn dài 6,1cm, đường kính 1,4cm, mũi nhọn, một lưỡi sắc, bản rộng nhất 1,9cm từ trong túi áo của L ra, L cầm dao bằng tay phải. L tiếp tục dùng tay trái túm tóc kéo ngửa mặt chị N lên rồi dùng dao cầm ở tay phải rạch 1 nhát vào vùng mặt bên trái, chị N đưa hai tay lên che mặt thì L tiếp tục dùng dao rạch vào mặt chị N dẫn đến bị thương tích ở môi và bàn tay phải đồng thời rạch trúng vào mu bàn tay phải của bà T. Sau đó được mọi người vào can ngăn và đưa chị N và bà T đến Trung tâm Y tế huyện H cấp cứu và điều trị từ ngày 25/12/2023 đến ngày 02/01/2024 chị N được ra viện và đến ngày 04/01/2024 bà T được ra viện.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ 01 chiếc ghế nhựa màu đỏ bị vỡ khuyết một phần trên diện 0,15x0,14m (BL 135-142). Chị Nguyễn Thị P tự nguyện giao nộp 01 con dao làm bằng kim loại có tổng chiều dài 18,8cm, chuôi dao được cuộn tròn dài 6,1cm, đường kính 1,4cm, mũi nhọn, một lưỡi sắc, bản rộng nhất 1,9cm là dao của L sử dụng gây thương tích cho chị N, bà T.

Trung tâm Y tế huyện H xác định chị Nguyễn Thị N và bà Dương Thị T có các thương tích cụ thể: Vùng mặt chị N có 02 vết thương: 01 vết thương kéo dài từ bờ trong mắt trái đến cằm trái dài khoảng 15cm bờ sắc nhọn có điểm chảy máu thành tia, thủng vào khoang miệng, 01 vết thương ở môi xẻ dọc cả môi trên, môi dưới bờ sắc nhọn dài khoảng 05cm; bàn tay phải chị N có 02 vết thương: 01 vết thương mu tay dọc theo xương bàn ngón 5 tay phải dài khoảng 08cm bờ sắc nhọn và 01 vết thương đứt ngang cơ ô mô út dài khoảng 06cm bờ sắc nhọn.

Mu bàn tay phải gốc ngón 3 bà T có 01 vết thương bờ sắc nhọn dài khoảng 1,5cm, đứt hoàn toàn gân ruồi ngón 3.

Cùng ngày 25/12/2023, Nguyễn Văn L đến cơ quan công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1990/23/KLTTCT-TTPY ngày 27/12/2023 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận chị Nguyễn Thị N: “Thương tích vết thương đã khâu bờ trong mắt trái đến cằm trái kích thước trung bình: 6%. Thương tích vết thương đã khâu môi trên bên phải kích thước nhỏ: 3%. Thương tích vết thương đã khâu môi dưới

bên phải kích thước nhỏ: 3%. Thương tích vết thương đã khâu mu bàn tay phải kích thước trung bình: 2%. Thương tích vết thương đã khâu ô mô út tay phải kích thước nhỏ: 1%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Nguyễn Thị N** tại thời điểm giám định là: 14% (Mười bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế, vật gây thương tích: Các thương tích do vật sắc nhọn gây nên”.

Tại Bản Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 2036/24/KLTTCT-TTPY ngày 22/01/2024 của Trung tâm pháp y **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** kết luận đối thương tích của chị **N**: “Thương tích vết sẹo bờ trong mắt trái đến cằm trái kích thước trung bình: 6%. Thương tích vết sẹo môi trên bên phải kích thước nhỏ: 3%. Thương tích vết sẹo môi dưới bên phải kích thước nhỏ: 3%. Thương tích vết sẹo mu bàn tay phải kích thước trung bình: 2%. Thương tích vết sẹo ô mô út tay phải kích thước nhỏ: 1%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Nguyễn Thị N** tại thời điểm giám định là: 14% (Mười bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư”.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1991/23/KLTTCT-TTPY của Trung tâm pháp y **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** kết luận bà **Dương Thị T**: “Thương tích vết mổ đã khâu mu bàn tay phải kích thước nhỏ: 1%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Dương Thị T** tại thời điểm giám định là: 1% (Một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế, vật gây thương tích: Thương tích do vật sắc nhọn gây nên; Chưa đánh giá tổn thương đứt gân duỗi ngón 3 bàn tay phải do đang điều trị”..

Tại Bản Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 2037/24/KLTTCT-TTPY ngày 19/01/2024 của Trung tâm pháp y **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** kết luận bà **Dương Thị T**: “Thương tích vết sẹo mu bàn tay phải kích thước nhỏ + Đứt hoàn toàn gân duỗi ngón 3 + Phẫu thuật khâu phần gân bị đứt bằng chỉ prolene 3.0 + Khám thần kinh vận động: Nới gân ngón 3 bàn tay phải chưa phục hồi: 7%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Dương Thị T** tại thời điểm giám định là: 7% (Bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư”.

Tại các Bản Kết luận giám định vật gây thương tích số 1990B/23/KLTTCT-TTPY ngày 28/12/2023 và 1991B/23/KLTTCT-TTPY ngày 28/12/2023 của Trung tâm pháp y **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** kết luận: “Con dao bằng kim loại màu đen, có mũi nhọn, một lưỡi sắc, đã qua sử dụng. Tổng chiều dài 18,8cm, chuôi dao cuộn tròn dài 6,1 cm, đường kính 1,4 cm, phần lưỡi bản rộng nhất 1,9cm. Vật sắc nhọn. Gây được thương tích. Kết quả đối chiếu mẫu vật gây thương tích: Con dao gửi giám định gây được các thương tích”.

Từ nội dung trên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang đã xử: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Nguyễn Văn L** 03 (ba) năm tù về tội “ Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ 25/12/2023 đến ngày 29/12/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 10/4/2024 bị cáo kháng cáo. Nội dung kháng cáo: hình phạt nặng, bị cáo xin được hưởng án treo.

- Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo trình bày: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, do chị N có quan hệ ngoại tình với bạn thân và là bạn đồng học với bị cáo, bị cáo đã nhiều lần tha thứ nhưng chị N vẫn quan hệ và còn gọi điện công khai nói rõ mối quan hệ với anh S cho bị cáo biết, vì vậy bị cáo bức xúc không kiềm chế được. Anh đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có thời gian chăm sóc mẹ già và con nhỏ.

- Tại phiên toà phúc thẩm ngày 23/7/2024, chị N và bà T trình bày: Sau khi bản án sơ thẩm xử xong, bà và chị có yêu cầu bị cáo hỗ trợ tiền thuốc điều trị vết thương, đến nay bị cáo đã bồi thường cho bà và chị được 10.000.000 đồng, bị cáo phạm tội do lỗi của chị N, do chị N có quan hệ ngoại tình với bạn thân của bị cáo là anh S. Nay bà và chị có đơn xin bãi nại cho bị cáo và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo. Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, bà và chị không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự,

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa bản án sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có thời gian chăm sóc mẹ già, con nhỏ và cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo đã được làm trong thời hạn theo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 25/12/2023, tại nhà bị cáo **Nguyễn Văn L**, do mâu thuẫn ghen tuông vợ chồng nên **Nguyễn Văn L** đã dùng tay phải cầm 01 con dao làm bằng kim loại có tổng chiều dài 18,8cm, chuôi dao được cuộn tròn dài 6,1 cm rạch vào vùng mặt và bàn tay phải của chị **Nguyễn Thị N** đồng thời rạch trúng mu bàn tay phải bà **Dương Thị T**. Hậu quả, chị **Nguyễn Thị N** bị tổn hại 14% sức khỏe; bà **Dương Thị T** bị tổn hại 07% sức khỏe.

Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo:

[3.1]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án tiền sự có nhân thân tốt.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- + Cấp sơ thẩm đã xác định: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi hành vi bị phát hiện bị cáo ra đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

- + Cấp phúc thẩm: Bị cáo cung cấp các tài liệu là đơn bãi nại và đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại cũng như việc bị cáo bồi thường cho bị hại là chị **N**, bà **T** số tiền 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết này và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[3.2]. Về hình phạt:

- Bị cáo phạm tội do lỗi của bị hại, do bị hại có quan hệ ngoại tình với bạn thân và là bạn cùng học với bị cáo từ năm 2018, đã nhiều lần bị cáo tha thứ nhưng chị **N** và anh **S** vẫn quan hệ với nhau, chị **N** còn gọi điện thoại cho bị cáo để công khai mối quan hệ với anh **S**, dẫn đến bị cáo bức xúc, không kiềm chế được. Mặt khác, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hiện tại giữa bị cáo và chị **N** đã ly hôn, bị cáo nuôi một con chung, tại địa phương bị cáo chấp hành tốt các quy định của địa phương được địa phương xác nhận. Gia đình bị cáo có hai bác là liệt sỹ, bản thân bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, tại địa phương bị cáo chấp hành tốt các quy định của địa phương.

- Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới nêu trên, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm. Để

đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, nên không cần phải cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên mức hình phạt 03 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, cần sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên hình phạt nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà về áp dụng pháp luật và phân hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa bản án sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Xử:

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L** 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn L** cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Hiệp Hoà;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Công an huyện Hiệp Hoà;
- Sở Tư pháp tỉnh BG;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo